

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 104/2018/HC-PT

Ngày 20 - 4 - 2018

V/v "Khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười;

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung;

Ông Lê Thành Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 467/2017/TLPT-HC ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 67/2017/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 326/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1949;

Địa chỉ: 308 ấp C1, xã C2, huyện C, tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1953

Địa chỉ: 188 đường N, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Q: Bà Ngô Thái Tùng T2 – Luật sư thuộc đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 16, đường N, Phường 6, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn T3, chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Văn T4 – chức vụ: Phó trưởng phòng tài nguyên môi trường huyện G.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/ NLQ1, sinh năm 1940;

Địa chỉ: 25/87, đường B1, phường B2, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

3.2/ NLQ2, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Tổ 12, ấp Thới thuận, xã Thới Sơn, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

3.3/ NLQ3, sinh năm 1946;

Địa chỉ: A5/149 tổ 5, ấp 1, xã P1, huyện B3, Thành phố Hồ Chí Minh

3.4/ NLQ4, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Kiên Giang

3.5/ NLQ5, sinh năm 19971;

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Kiên Giang

3.6/ NLQ6, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Kiên Giang

3.7/ NLQ7, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Kiên Giang

3.8/ NLQ8, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Kiên Giang

3.9/ NLQ9, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Kiên Giang

3.10/ NLQ10, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Kiên Giang

3.11/ NLQ11, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An

3.12/ NLQ12, sinh năm 1987;

Địa chỉ: 78/13A, khu phố 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An

3.13/ NLQ13, sinh năm 1956;

Địa chỉ: 12847 Magenta Oaksdr Housto-Texas 77072;

3.14/ NLQ14, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn A1, huyện A, tỉnh An Giang

3.15/ NLQ15, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 86/45A R1, phường R2, thành phố R3, tỉnh Kiên Giang

3.16/ NLQ16, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Khu vực 3, thị trấn A1, huyện A, tỉnh Kiên Giang

3.17/ NLQ17, sinh năm 1970;

Địa chỉ: 27/4B, đường Z, phường Z, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

3.18/ NLQ18, sinh năm 1972;

Địa chỉ: C7/144/A1, ấp 3, xã P1, huyện B3, Tp Hồ Chí Minh

3.19/ NLQ19, sinh năm 1960;

3.20/ NLQ20, sinh năm 1995;

3.21/ NLQ21, sinh năm 1993;

Bà NLQ19, bà NLQ20, ông NLQ21 cùng địa chỉ: 78/2, tổ 9, Quốc lộ 50, khu phố 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà NLQ11, NLQ12, NLQ4, NLQ5, bà NLQ8, ông NLQ10, Bà T1, bà NLQ9, bà NLQ7, ông NLQ15, ông NLQ18, bà NLQ20, ông NLQ21, ông NLQ17, bà NLQ16 và bà NLQ19: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1953. Địa chỉ: 188 đường N, Phường 8, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.22/ Ông NLQ17, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An

3.23/ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (viết tắt: Ngân hàng Vietcombank). Địa chỉ phòng giao dịch G: Số 12, quốc lộ 50, thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Công T5 – chức vụ Trưởng phòng giao dịch G, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Long An.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện, bà Nguyễn Thị Q.

(Các đương sự: bà Q, bà NLQ3, ông T5 có mặt; Các đương sự còn lại có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 06/01/2016, ngày 08/3/2016, đơn bổ sung ngày 07/10/2016 của bà Nguyễn Thị Q, phần trình bày của bà Vũ Thị T1 trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau:

Bà Q yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 08/5/2006 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ17 đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 5, diện tích 238,5m², loại đất ODT, tọa lạc tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 104 nêu trên.

Lý do khởi kiện: Thửa đất 104 có nguồn gốc của cha mẹ bà Q là ông Nguyễn Hữu T6 (chết 1971) và bà Nguyễn Thị B (chết 2000) tạo lập từ trước năm 1975. Ông T6 và bà B có 10 người con gồm NLQ1; Nguyễn Ngọc G; NLQ2; NLQ3; Nguyễn Thị Q; Nguyễn Thị M (chết năm 1999); Nguyễn Hữu L, (chết 2009); NLQ13; NLQ14 và NLQ17.

Sau năm 1975 bà Q và các anh chị lần lượt có gia đình và chuyển ra ở riêng, ông NLQ17 là con út cùng vợ con ở lại trên phần đất và căn nhà với bà B. Năm 2006 ông NLQ17 được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất của cha mẹ là thửa số 104, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn G.

Năm 2014 bà Q mới biết việc ông NLQ17 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì nhà và đất thuộc thửa số 104 có nguồn gốc là của Ông T6 và bà B nhưng UBND huyện G lại cấp giấy chứng nhận cho ông NLQ17 căn cứ vào tờ chúc ngôn năm 1992 của bà B là không đúng theo quy định tại Điều 656 và 658 của Bộ luật dân sự năm 1995; căn cứ vào tờ xác nhận thuận phân ngày 09/10/2003 của các anh chị em trong gia đình không có chữ ký xác nhận của bà NLQ3 là không đúng quy định pháp luật. Do đó bà Q đã khiếu nại đến UBND huyện G, ngày 14/12/2015 UBND huyện G ban hành công văn số 1911/UBND-TNMT về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Q. Không đồng ý với nội dung trên nên ngày 06/01/2016 bà Q đã nộp đơn khởi kiện ra Tòa án.

Bà T1 cũng là đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt: thống nhất với yêu cầu và phần trình bày nêu trên, ngoài ra không bổ sung gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Bà Q và ông NLQ17 đều thừa nhận thửa đất 104 là tài sản của cha mẹ để lại. Việc UBND huyện G ban hành quyết định số 3244/QĐ-UBND và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ17 dựa trên tờ chúc ngôn và văn bản xác nhận của các anh chị em là không đúng vì tờ chúc ngôn không có giá trị pháp lý, bà B có 10 người con nhưng chỉ có 06 người ký vào văn bản như vậy là không đúng pháp luật. Ngoài ra ông NLQ17 chỉ mới sử dụng đất từ năm 1995 đến thời điểm cấp giấy năm 2006 với thời gian 10 năm, đây là đất ở chứ không phải đất khai hoang, UBND huyện G cho rằng cấp giấy căn cứ vào quá trình sử dụng cũng là không đúng cho nên đề nghị hủy một phần Quyết định số 3244/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông NLQ17.

Người bị kiện là UBND huyện G có văn bản 1867/UBND-TNMT ngày 26/10/2016 trình bày như sau:

UBND huyện giữ nguyên Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 08/5/2006 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì việc ban hành quyết định trên là đúng quy định pháp luật, cụ thể:

Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An có nguồn gốc là của ông Nguyễn Hữu T6 và bà Nguyễn Thị B (cha mẹ ruột của ông NLQ17, bà Q).

Năm 1971 Ông T6 chết không để lại di chúc. Năm 1992 bà B làm tờ chúc ngôn với nội dung để lại phần nhà cửa, tài sản, ruộng đất cho ông NLQ17, trong tờ chúc ngôn có ghi giao mỗi người trong gia đình giữ một bản. Năm 1995 ông NLQ17 về sử dụng thửa đất số 104 nêu trên, năm 2006 ông NLQ17 đi kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận QSD đất và được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND thị trấn G xét duyệt chung với 22 hộ dân và đề nghị UBND huyện G cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông NLQ17. Khi ông NLQ17 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thì trong nội bộ gia đình ông NLQ17 không xảy ra tranh chấp, khiếu nại gì về nhà và đất.

Ngày 08/5/2006 UBND huyện căn hành quyết định số 3244/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận QSD đất cho 22 hộ dân trên cơ sở tờ trình số 221/TTr.TNMT ngày 25/4/2006 của phòng Tài nguyên môi trường. Ngày 10/5/2006 UBND huyện đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ17 thửa đất số 104 nêu trên là đúng quy định pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện G là Ông Võ Văn T4 trình bày:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Q vì: UBND huyện ban hành quyết định số 3244/QĐ-UBND và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ17 là đúng pháp luật, căn cứ vào nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại,

quá trình ông NLQ17 sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp từ năm 1995 và giấy xác nhận của các anh chị em ông NLQ17 thống nhất tài sản để lại cho ông NLQ17. Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ17 có làm các thủ tục niêm yết công khai tại UBND thị trấn G, các anh chị em của ông NLQ17 cũng không ai có ý kiến tranh chấp gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông NLQ17 trình bày: Năm 2006 ông được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 5, diện tích 238,5m², loại đất ODT, tọa lạc tại thị trấn G căn cứ vào tờ chúc từ chúc ngôn năm 1992 của bà B và tờ xác nhận thuận phân ngày 09/10/2003 của các anh chị em trong gia đình. Do đó ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông NLQ17 trình bày:

UBND huyện G ban hành quyết định số 3244/QĐ-UBND và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ17 là căn cứ vào nguồn gốc đất, vào giấy xác nhận của các anh chị em trong gia đình, vào quá trình ông NLQ17 sử dụng đất ổn định từ năm 1995 không có tranh chấp, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được niêm yết công khai nhưng các anh chị em của ông NLQ17 không ai tranh chấp hay có ý kiến gì. Năm 2014 bà Q mới nộp đơn yêu cầu chia thừa kế ra UBND thị trấn G, đến tháng 3/2016 mới khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện G về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hết thời hiệu khởi kiện 01 năm theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Người đại diện theo ủy quyền của có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, trình bày:

Ông NLQ17 có vay vốn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam số tiền 1.500.000.000 đồng, thời gian đáo hạn là ngày 04/11/2017 khi vay ông NLQ17 có thể chấp quyền sử dụng đất là thửa đất số 104, tờ bản đồ số 5 hiện các bên đang tranh chấp trong vụ án.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Q, Ngân hàng có ý kiến như sau: Việc vay vốn và thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 104 là thực hiện đúng quy định và hợp lệ nên khi đến hạn trả nợ Ngân hàng vẫn yêu cầu được được đảm bảo bằng tài sản mà ông NLQ17 đã thế chấp là thửa đất số 104 nêu trên, trường hợp các bên muốn nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải thanh toán hết số nợ vay cho Ngân hàng. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2017/HC-ST ngày 06/9/2017 của Tòa

án nhân dân tỉnh Long An đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 08/5/2006 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 954230 cấp ngày 10/5/2006 cho ông NLQ17 của Ủy ban nhân dân huyện G.

Ngày 18/9/2017 bà Nguyễn Thị Q đã có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định.

- Về nội dung: Nguồn gốc đất là do hai cụ tạo lập, năm 1994 cụ Bông đã lập tờ chúc ngôn cho ông NLQ17 quản lý làm nơi thờ cúng. Đây là ý chí của cụ Bông, đồng thời các anh chị em trong gia đình cũng đã làm tờ xác nhận cho ông NLQ17. Vì vậy, việc UBND huyện G đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng này cho ông NLQ17 là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà Q, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của phía người khởi kiện, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về nội dung: Đánh giá tính hợp pháp của Quyết định số 3244/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 954230 cấp ngày 10/5/2006 cho ông NLQ17 thì thấy:

[1.1] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định là đúng theo quy định tại Điều 48 và Điều 52 Luật đất đai năm 2003.

[1.2] Về trình tự thủ tục ban hành quyết định: UBND huyện G căn cứ vào quá trình sử dụng nhà và đất của ông NLQ17 từ năm 1995 đến năm 2006, không ai tranh chấp và tờ xác nhận năm 2003 của những người con của bà B để ban hành quyết định số 3244/QĐ-UBND và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 954230 cấp ngày 10/5/2006 cho ông NLQ17 là theo đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 123 của Luật đất đai 2003.

[2] Về tính có căn cứ của quyết định hành chính:

[2.1] Theo các chứng cứ tại hồ sơ và nhận định, đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định, nguồn gốc thửa đất số 104 có nguồn gốc là của cha mẹ ông NLQ17, bà Q, bà NLQ3, ông NLQ1, ông Nguyễn Hữu L, bà NLQ13 và bà NLQ14 để lại, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các con đều thừa nhận đây là tài sản của cha mẹ để lại. Năm 1992 bà B viết tờ chúc ngôn để lại nhà đất cho ông NLQ17. Vấn đề này đã được bà Q xác nhận tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 22/6/2015 tại UBND thị trấn G. Sau khi bà B chết thì các anh chị em làm giấy xác nhận ngày 09/10/2003 đối với căn nhà số 23 Quốc lộ 50 (nay là nhà và đất thuộc thửa số 104) là của cha mẹ để lại cho ông NLQ17 sử dụng làm nơi thờ cúng.

Căn cứ vào hai chứng cứ này, UBND huyện G, tỉnh Long An đã ban hành quyết định số 3244/QĐ-UBND và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ17 vào năm 2006 vì cho rằng các chứng cứ trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Từ đó, bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Q.

[2.2]. Tuy nhiên, khi xem xét tính hợp pháp của các chứng cứ này đã cho thấy:

Thứ nhất: Đối với tờ chúc ngôn do bà B viết vào năm 1992 nhưng không được chứng thực và không có người làm chứng theo quy định của pháp luật, vì vậy không hợp pháp và không có giá trị pháp lý.

Thứ hai: Tờ giấy xác nhận của các đồng thừa kế về việc xác nhận cho ông NLQ17 được quyền quản lý sử dụng nhà và đất vào ngày 09/10/2003 đã không có chữ ký xác nhận của bà NLQ3 – là một trong các đồng thừa kế của bà B.

[2.3]. Trong khi đó, theo các chứng cứ tại hồ sơ gồm: Biên bản hòa giải về việc tranh chấp đất đai vào các ngày 19/12/2014 (bút lục số 93) và ngày 22/6/2015 do Ủy ban nhân dân thị trấn G tiến hành hòa giải thì bà NLQ3 luôn thể hiện quan điểm rằng không đồng ý để mình ông NLQ17 đứng tên, đồng thời đề nghị việc bà phải là đồng thừa kế của tài sản này. Tại bản khai và tường trình vào ngày 08/12/2016 gửi Tòa án nhân dân tỉnh Long An (bút lục số 122) bà NLQ3 yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 08/5/2006 của Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Long An về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ17, với lý do cấp không đúng đối tượng. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

Như vậy, có thể thấy rằng việc Ủy ban nhân dân huyện G đã căn cứ Bản chúc ngôn không hợp pháp của bà Nguyễn Thị B và Biên bản thỏa thuận của một số trong nhiều đồng thừa kế vào ngày 09/10/2003 để cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho ông NLQ17 là không đúng quy định của pháp luật và không phản ánh đúng ý chí của tất cả các đồng thừa kế. Giả sử, trong trường hợp này, bản chúc ngôn của bà B là phù hợp về mặt hình thức thì bà cũng chỉ được quyền định đoạt phần tài sản của mình, mà không được quyền định đoạt phần tài sản của cụ ông Nguyễn Hữu T6. Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện G căn cứ các tài liệu này để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông NLQ17 là không đúng quy định của pháp luật. Điều này đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Chính vì lẽ đó, để nhằm cho việc đảm bảo đúng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đồng thời đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự xét thấy việc hủy Quyết định 3244/QĐ-UBND ngày 8/5/2006 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 954230 cấp ngày 10/5/2006 cho ông NLQ17 của Ủy ban nhân dân huyện G là cần thiết và đúng pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của bà Q là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với quy định của pháp luật và đánh giá của Hội đồng xét xử, vì vậy không được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận, vì vậy bà Q không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 67/2017/HC-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai giữa người khởi kiện bà Nguyễn Thị Q đối với Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Long An.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q, hủy một phần Quyết định số 3244/QĐ-UBND ngày 08/5/2006 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 954230 cấp ngày 10/5/2006 cho ông NLQ17 của Ủy ban nhân dân huyện G.

2. Về án phí:

- Ủy ban nhân dân huyện G phải chịu 300.000 đ án phí.

- Bà Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, hoàn trả cho bà số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009846 ngày 18/9/2017 của Cục thi thành án dân sự tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Chánh Trung

Lê Thành Văn

Phạm Công Mười